



**Công ty TNHH Một thành viên –
Tổng Công ty Phát điện 3**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công thương cấp

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 ngày 30 tháng 10 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 30 tháng 10 năm 2013

Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Lê

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



[Handwritten signature]

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 9 tháng 4 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 4 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 4(a)(ii) trong báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) về chênh lệch tỷ giá. Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với VAS 10 và Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại thuyết minh 4(a)(ii) của báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra chúng tôi cũng lưu ý đến thuyết minh 4(a)(ii) các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong vốn chủ sở hữu thay vì chi phí tài chính theo Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 và Công văn số 2239/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với VAS 10 và Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng các công văn này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại thuyết minh 4(a)(ii) của báo cáo tài chính riêng.



Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 4 năm 2015 kèm theo đoạn nhấn mạnh liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái và cổ tức bằng cổ phiếu Tổng Công ty nhận được trong năm 2013 từ Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, một công ty liên kết.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 49. Thông tin bổ sung tại trang 50 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính riêng, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-070



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		11.801.725.886.253	9.238.613.211.291
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	729.919.588.667	1.864.418.585.340
Tiền	111		526.919.588.667	1.858.418.585.340
Các khoản tương đương tiền	112		203.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		230.000.000.000	430.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	230.000.000.000	430.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		8.470.350.142.225	4.944.831.562.590
Phải thu của khách hàng	131	7	3.944.933.274.193	2.066.296.715.756
Trả trước cho người bán	132		204.142.885.854	2.776.575.624.810
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.321.273.982.178	101.959.222.024
Hàng tồn kho	140	9	2.217.279.483.884	1.496.350.282.585
Hàng tồn kho	141		2.219.485.968.930	1.504.037.639.503
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.206.485.046)	(7.687.356.918)
Tài sản ngắn hạn khác	150		154.176.671.477	503.012.780.776
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.358.341.700	843.140.776
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.550.771.327	502.122.174.451
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(b)	58.267.558.450	47.465.549

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		70.484.476.537.629	71.657.353.804.642
Phải thu dài hạn	210		12.000.000	12.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	12.000.000
Tài sản cố định	220		66.219.241.053.470	13.203.289.798.774
Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.149.504.189.725	13.140.792.922.317
<i>Nguyên giá</i>	222		104.261.861.333.547	47.051.076.326.242
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.112.357.143.822)	(33.910.283.403.925)
Tài sản cố định vô hình	227	11	69.736.863.745	62.496.876.457
<i>Nguyên giá</i>	228		79.216.773.058	70.086.738.689
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.479.909.313)	(7.589.862.232)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.623.543.802.603	56.899.257.645.196
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.623.543.802.603	56.899.257.645.196
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.616.348.286.477	1.501.311.982.438
Đầu tư vào công ty con	251		666.726.274.039	551.689.970.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		158.063.661.588	158.063.661.588
Tài sản dài hạn khác	260		25.331.395.079	53.482.378.234
Chi phí trả trước dài hạn	261		24.503.215.079	53.482.378.234
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		828.180.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		82.286.202.423.882	80.895.967.015.933

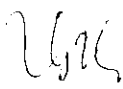
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

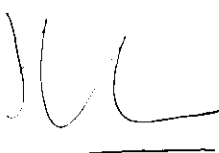
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		74.859.402.699.080	71.087.023.898.840
Nợ ngắn hạn	310		9.990.667.975.125	16.427.452.117.792
Phải trả người bán	311	13	5.566.168.847.491	7.678.809.374.117
Người mua trả tiền trước	312		-	228.979.723
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	117.374.144.750	171.251.752.692
Phải trả người lao động	314		127.090.735.196	143.310.351.598
Chi phí phải trả	315		57.893.608.251	46.226.524.492
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.835.445.820	-
Phải trả khác	319	15	689.251.880.779	1.019.998.204.369
Vay ngắn hạn	320	16(a)	3.291.345.014.166	7.284.253.550.749
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		125.708.298.672	83.373.380.052
Nợ dài hạn	330		64.868.734.723.955	54.659.571.781.048
Doanh thu chưa thực hiện	336		424.430.009.826	3.912.458.454
Vay dài hạn	338	16(b)	64.444.304.714.129	54.655.659.322.594
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.426.799.724.802	9.808.943.117.093
Vốn chủ sở hữu	410	17	7.426.799.724.802	9.808.943.117.093
Vốn góp	411	18	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046
Vốn khác	414		1.566.487.558	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.316.477.195.659)	(810.942.597.255)
Quỹ đầu tư phát triển	418		65.664.222.531	18.940.437.443
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	2.695.975.257
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế</i>				
<i>đến cuối năm trước</i>	421a		-	624.542.340
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		-	2.071.432.917
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.585.369.933	110.593.427.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		82.286.202.423.882	80.895.967.015.933

Ngày 9 tháng 4 năm 2016

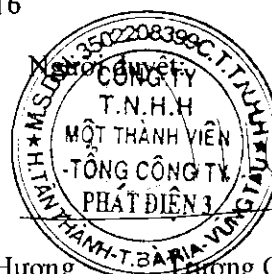
Người lập:

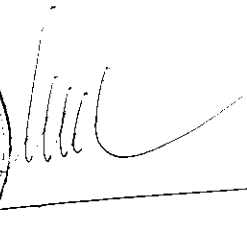


Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng




 Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	25.496.867.199.477	23.569.780.612.466
Giá vốn hàng bán	11	22	23.253.099.580.213	21.696.141.707.432
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.243.767.619.264	1.873.638.905.034
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	234.620.806.425	847.789.781.142
Chi phí tài chính	22	24	2.183.476.499.909	2.356.536.841.835
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.709.696.234.008</i>	<i>1.146.659.420.142</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	171.699.158.895	147.881.380.270
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		123.212.766.885	217.010.464.071
Thu nhập khác	31		17.292.322.449	45.995.124.782
Chi phí khác	32		35.737.233.544	32.703.796.638
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(18.444.911.095)	13.291.328.144
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		104.767.855.790	230.301.792.215
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	478.606.367	38.996.679.478
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		104.289.249.423	191.305.112.737

Ngày 9 tháng 4 năm 2016

Người lập:

Vũ Phương Thảo

Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Phạm Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	104.767.855.790	230.301.792.215
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	4.225.805.876.869	3.237.926.026.231
Các khoản dự phòng	03	(5.480.871.872)	595.911.555
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	401.565.731.075	38.528.152.971
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(230.914.725.845)	(80.338.073.770)
Chi phí lãi vay	06	1.709.696.234.008	1.146.659.420.142
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.205.440.100.025	4.973.673.229.344
Biến động các khoản phải thu	09	(6.158.398.276.012)	(3.959.432.031.869)
Biến động hàng tồn kho	10	(716.276.509.427)	(207.848.680.850)
Biến động các khoản phải trả	11	1.865.948.136.720	10.951.415.774.168
Biến động chi phí trả trước	12	19.463.962.231	(59.241.269.314)
		1.216.177.413.537	11.698.567.021.479
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.577.512.751.061)	(1.800.449.939.831)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(79.564.639.589)	(71.321.357.474)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(28.017.569.249)	(45.907.235.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(468.917.546.362)	9.780.888.489.058
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(4.115.143.825.197)	(28.067.598.627.273)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.272.092.678	133.746.427
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	-	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	24	200.000.000.000	70.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	302.548.562.797	133.936.074.236
Chuyển đơn vị phụ thuộc về Tập đoàn Điện lực Việt Nam (tiền thuần)		(169.114.006)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(3.611.492.283.728)	(27.913.528.806.610)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

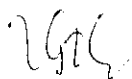
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

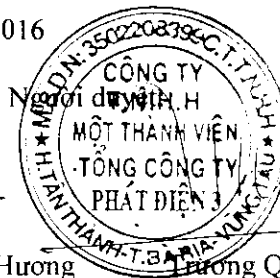
	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	16.072.972.468.931	21.249.992.224.140
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.127.061.635.514)	(3.341.205.759.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	2.945.910.833.417	17.908.786.465.136
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.134.498.996.673)	(223.853.852.416)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.864.418.585.340	2.088.263.240.763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	9.196.993
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	729.919.588.667	1.864.418.585.340

Ngày 9 tháng 4 năm 2016

Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 3 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2015: 2 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 1.922 nhân viên (1/1/2015: 1.711 nhân viên).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng, nếu có, được trình bày trong thuyết minh 4(a).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CKKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 4962/EVN-TCKT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2015 (“Công văn 4962”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ giảm 810.942.597.255 VND và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi trong “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ giảm tương ứng 810.942.597.255 VND.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Điều 69 Thông tư 200 quy định tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng được tập hợp và phản ánh trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Tuy nhiên, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, thay vì chi phí tài chính, theo Công văn 3003/BTC-TCDN ngày 8 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 (“Công văn 3003”) và Công văn số 2239/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 2239”). Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 2.505.534.598.404 VND và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ghi trong “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 2.505.534.598.404 VND.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179, Công văn 3003 và Công văn 2239 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt so với việc áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 và Thông tư 200 sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính riêng.

Đối với Ban quản lý xây dựng các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và sẽ được phân bổ vào chi phí hoặc thu nhập không quá 5 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*



(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP (“Nghị định số 82”) ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	932.367.577	823.664.349
Tiền gửi ngân hàng	525.987.221.090	1.857.594.920.991
Các khoản tương đương tiền	203.000.000.000	6.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	729.919.588.667	1.864.418.585.340

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng 4,6%/năm (năm 2014: 5%/năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan, với lãi suất được hưởng 5,1%/năm (1/1/2015: 5%/năm).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn

Địa chỉ	31/12/2015		1/1/2015	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty con				
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	(i) 79,56%	79,56%	79,56%	79,56%
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	(ii) 54,76%	54,76%	54,76%	54,76%
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thủ Đức	(iii) 100%	100%	115.036.304.039	70.454.400.000
			666.726.274.039	551.689.970.000
Đầu tư vào công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(iv) 30%	30%	190.500.000.000	190.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	(v) 30,55%	30,55%	517.058.350.850	517.058.350.850
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A Tỉnh Gia Lai	(vi) 30%	30%	84.000.000.000	84.000.000.000
			791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư vào đơn vị khác				
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	-	64.000.000.000	64.000.000.000
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom	15%	15%	74.463.661.588	74.463.661.588
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,65%	-	19.600.000.000	19.600.000.000
			158.063.661.588	158.063.661.588

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 240/2005/QĐ-TT ngày 4 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức thành Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Nhiệt điện Thủ Đức. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iv) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (vi) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	3.940.318.721.658	2.061.882.204.632
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	4.614.552.535	4.414.511.124
	3.944.933.274.193	2.066.296.715.756

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (phân loại lại)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	4.223.779.810.981	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	5.302.777.777	3.707.500.000
Cổ tức được chia	-	71.779.948.000
Phải thu khác	91.358.026.183	25.638.406.787
	4.321.273.982.178	101.959.222.024

- (i) Trong số dư này có 3.890.576.415.008 VND do Tổng Công ty đã đầu tư cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự án này đã được chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm (thuyết minh 30).

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	121.911.375.456	-	-	-
Nguyên vật liệu	2.069.853.946.005	(2.206.485.046)	1.344.864.295.674	(7.687.356.918)
Công cụ và dụng cụ	11.904.430.327	-	4.339.305.230	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.816.217.142	-	154.834.038.599	-
	2.219.485.968.930	(2.206.485.046)	1.504.037.639.503	(7.687.356.918)

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	7.687.356.918	7.091.445.363
Tăng trong năm	-	595.911.555
Hoàn nhập trong năm	(5.480.871.872)	-
	2.206.485.046	7.687.356.918

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.848.534.289.511	35.658.884.320.453	3.491.237.735.764	47.706.546.339	4.713.434.175	47.051.076.326.242
Tăng trong năm	2.856.580.336	11.510.426.714	9.294.988.635	5.357.901.355	1.467.048.700	30.486.945.740
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đang (thuyết minh 12)	11.110.409.009.049	43.248.262.587.895	2.840.646.286.146	1.647.689.778	-	57.200.965.572.868
Nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	1.103.448.000	-	1.103.448.000
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(15.974.019.254)	(361.850.000)	(8.473.688.275)	(475.607.038)	(38.460.000)	(25.323.624.567)
Điều chuyển nội bộ	(13.673.320.283)	-	13.673.320.283	-	-	-
Phân loại lại	(1.090.488.847.760)	816.055.726.491	289.226.853.467	(589.929.495)	-	14.203.802.703
Thanh lý	(3.862.656.000)	(125.087.139)	(1.200.000.000)	-	-	(5.187.743.139)
Giảm do quyết toán	(2.833.652.072)	-	(2.337.801.889)	(291.940.339)	-	(5.463.394.300)
Số dư cuối năm	17.834.967.383.527	79.734.226.124.414	6.632.067.694.131	54.458.108.600	6.142.022.875	104.261.861.333.547
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.973.810.619.397	28.336.532.068.684	1.581.059.523.462	18.190.248.112	690.944.270	33.910.283.403.925
Khấu hao trong năm	536.708.449.371	3.366.432.304.287	311.503.595.726	8.794.861.985	476.618.419	4.223.915.829.788
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(5.406.022.025)	(360.285.014)	(5.554.307.154)	(417.611.438)	(35.237.691)	(11.773.463.322)
Phân loại lại	(6.732.289.197)	1.074.089.974	5.610.703.043	47.496.180	-	-
Thanh lý	(3.037.009.818)	(93.781.613)	(1.097.143.048)	-	-	(4.227.934.479)
Giảm do quyết toán	(3.210.949.862)	-	(2.337.801.889)	(291.940.339)	-	(5.840.692.090)
Số dư cuối năm	4.492.132.797.866	31.703.584.396.318	1.889.184.570.140	26.323.054.500	1.132.324.998	38.112.357.143.822
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.874.723.670.114	7.322.352.251.769	1.910.178.212.302	29.516.298.227	4.022.489.905	13.140.792.922.317
Số dư cuối năm	13.342.834.585.661	48.030.641.728.096	4.742.883.123.991	28.135.054.100	5.009.697.877	66.149.504.189.725

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.364.690.088.014 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 262.604.661.974 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	64.452.359.739	1.863.487.802	3.770.891.148	70.086.738.689
Tăng trong năm	-	39.550.875	-	39.550.875
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	-	9.090.483.494	-	9.090.483.494
Số dư cuối năm	64.452.359.739	10.993.522.171	3.770.891.148	79.216.773.058
Khấu hao trong năm				
Số dư đầu năm	4.138.892.272	766.489.195	2.684.480.765	7.589.862.232
Khấu hao trong năm	984.269.873	497.550.288	408.226.920	1.890.047.081
Số dư cuối năm	5.123.162.145	1.264.039.483	3.092.707.685	9.479.909.313
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	60.313.467.467	1.096.998.607	1.086.410.383	62.496.876.457
Số dư cuối năm	59.329.197.594	9.729.482.688	678.183.463	69.736.863.745

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 606.628.866 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 606.628.866 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.899.257.645.196	41.101.445.817.217
Tăng trong năm do mua mới	3.746.593.132.039	30.376.204.260.389
Chi phí lãi vay vốn hóa	678.364.588.158	2.004.203.192.817
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 10)	(57.200.965.572.868)	(2.435.242.799.974)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (thuyết minh 11)	(9.090.483.494)	-
Điều chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(1.120.338.504.035)	(13.767.322.259.129)
Các biến động khác	(370.277.002.393)	(380.030.566.124)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.623.543.802.603	56.899.257.645.196

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.023.884.297.980	27.580.942.083.512
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	925.047.930.443	24.575.165.834.062
Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	412.469.077.282	296.350.737.496
Cảng than Vĩnh Tân	259.888.105.390	3.660.614.342.492
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	781.915.719.273
Các công trình khác	2.254.391.508	4.268.928.361
	<hr/>	<hr/>
	2.623.543.802.603	56.899.257.645.196

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 678.365 triệu VND (2014: 2.004.203 triệu VND).

Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay (thuyết minh 16(b)).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Phải trả người bán

	31/12/2015	1/1/2015
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	157.314.832.070	953.294.760
Các bên liên quan khác	5.202.498.059	2.976.985.733
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.639.257.139.726	2.293.143.509.537
Công ty Shanghai Electric Group	1.519.970.146.668	2.503.142.877.099
Tập đoàn Xây dựng Hyundai E&C	1.314.517.829.383	2.057.490.987.315
Các nhà cung cấp khác	929.906.401.585	821.101.719.673
	<hr/>	<hr/>
	5.566.168.847.491	7.678.809.374.117
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	5.566.168.847.491	7.678.809.374.117
	<hr/>	<hr/>

Số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015 không quá hạn.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	103.506.022.649	865.118.915.887	(905.601.608.283)	17.216.281.500	80.239.611.753
Thuế nhà thầu	225.014.607	34.605.992.367	(27.282.776.183)	-	7.548.230.791
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.120.238.545	(14.120.238.545)	-	-
Thuế tài nguyên	14.565.592.130	184.849.269.225	(179.436.901.179)	-	19.977.960.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.755.924.228	478.606.367	(79.564.639.589)	40.794.184.451	464.075.457
Thuế thu nhập cá nhân	2.469.221.638	12.637.605.934	(12.798.900.999)	-	2.307.926.573
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	11.729.977.440	37.531.462.944	(42.425.100.384)	-	6.836.340.000
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	6.145.581.939	(6.355.208.889)	209.626.950	-
Các loại thuế khác	-	12.027.000	(12.027.000)	-	-
	171.251.752.692	1.155.499.700.208	(1.267.597.401.051)	58.220.092.901	117.374.144.750

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	46.857.004	-	-	17.216.281.500	17.263.138.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp	608.545	-	-	40.794.184.451	40.794.792.996
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	-	209.626.950	209.626.950
	47.465.549	-	-	58.220.092.901	58.267.558.450

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	498.148.789.015	122.809.726.828
Các bên liên quan khác	19.443.867.919	10.582.688.799
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	151.562.350.386	217.174.574.817
Công ty Cổ phần Thủy điện Srêpôk 3	-	613.267.623.287
Phải trả khác	20.096.873.459	56.163.590.638
	689.251.880.779	1.019.998.204.369

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 16(b))	6.884.253.550.749	3.291.345.014.166	(6.884.253.550.749)	3.291.345.014.166
	7.284.253.550.749	3.291.345.014.166	(7.284.253.550.749)	3.291.345.014.166
Số có khả năng trả nợ	7.284.253.550.749			3.291.345.014.166

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	67.735.649.728.295	61.539.912.873.343
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.291.345.014.166)	(6.884.253.550.749)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	64.444.304.714.129	54.655.659.322.594

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	143.294.202.256	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	599.000.000.000	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	2.548.769.979.856	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	374.000.000.000	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	2.190.781.573.344	-
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	2.338.883.568.274	2.134.864.479.902
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	1.167.134.660.567	891.221.087.771
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	553.230.020.144	-
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	185.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srépôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	185.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000
<i>Dự án lắp kháng điện khu vực phía Nam để giảm dòng ngắn mạch</i>				
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	VND	2017	50.000.000.000	50.000.000.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	470.921.021.851	457.042.891.878
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	17.231.947.165.625	16.183.665.844.538
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	10.955.373.163.664	7.664.165.713.170
Vay trái phiếu	VND	2015	-	150.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	6.186.010.169.010	5.867.652.946.470
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2026	2.026.195.834.393	2.046.269.653.180
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	8.957.320.563.579	7.068.466.839.401
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2015	-	2.199.629.474.880
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	2015	-	2.698.714.818.041
Vay trái phiếu	VND	2015	-	31.941.066.865
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	108.894.686.576	111.231.238.167
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	78.451.727.103	79.333.713.873
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2016	112.562.875.656	213.539.865.264
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2018	540.518.838.667	804.841.313.023
Vay trái phiếu	VND	2015	-	100.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	178.072.813.166	202.690.155.167
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	194.793.045.965	250.394.167.823
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	117.397.948.942	195.663.248.236
Vay trái phiếu	VND	2016	100.000.000.000	290.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srépôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	378.461.884.374	430.781.637.334
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	774.791.627.761	996.160.653.761
Vay trái phiếu	VND	2015	-	25.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	5.278.533.404.202	5.337.876.864.952
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2015	-	184.968.819.854
Ngân hàng Thế Giới	USD	2015	-	67.567.221.483
Vay trái phiếu	VND	2015	-	1.124.524.127

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<i>Dự án Công than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	575.759.847.932	546.128.906.335
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	2.416.549.105.388	1.983.870.344.450
Ngân hàng phát triển Việt Nam	VND	2015	-	553.230.020.144
Vay trái phiếu	VND	2015	-	745.597.036
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Vay trái phiếu	VND	2015	-	30.129.766.218
			67.735.649.728.295	61.539.912.873.343

Toàn bộ tài sản hình thành từ các dự án trên được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tương ứng.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 0,45% đến 6,9%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 6,7% đến 10,5%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,66% đến 2,5%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,2%.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	12.400.642.458.755	-	(514.824.732.641)	68.097.021.981	4.993.560.386	204.576.931.617	12.163.485.240.098
Tăng vốn trong năm	721.596.120	-	-	(40.968.620)	-	-	680.627.500
Bản giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(1.913.708.180.829)	-	9.328.629.723	-	(4.542.544.190)	(200.201.000.000)	(2.109.123.095.296)
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	(305.446.494.337)	-	-	-	(305.446.494.337)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	191.305.112.737	-	191.305.112.737
Phân loại lại	-	-	-	(106.217.495.985)	-	106.217.495.985	-
Trích quỹ trong năm	-	-	-	56.770.103.946	(118.781.687.446)	-	(62.011.583.500)
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	(70.451.992.374)	-	(70.451.992.374)
Điều chỉnh khác	-	-	-	331.776.121	173.526.144	-	505.302.265
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.487.655.874.046	-	(810.942.597.255)	18.940.437.443	2.695.975.257	110.593.427.602	9.808.943.117.093
Nhận bản giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên (i)	96.728.456.859	1.566.487.558	-	16.178.490.841	-	1.705.055.583	116.178.490.841
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	-	-	-	-	-	1.271.458.000
Bản giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	-	(25.181.627.228)	-	-	-	(51.081.631.277)
Phân loại lại	1.705.055.583	-	-	(1.142.186.802)	-	2.286.886.748	2.849.755.529
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	(2.659.523.292)	-	(2.659.523.292)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	(2.480.352.971.176)	-	-	-	(2.480.352.971.176)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	104.289.249.423	-	104.289.249.423
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.687.481.049	(31.687.481.049)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(71.792.954.348)	-	(71.792.954.348)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(845.265.991)	-	(845.265.991)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	10.561.460.840.439	1.566.487.558	(3.316.477.195.659)	65.664.222.531	-	114.585.369.933	7.426.799.724.802

Tổng Công ty nhận bản giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 223/QĐ-EVN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt của Tổng Công ty được góp đầy đủ bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	10.487.655.874.046	12.400.642.458.755
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	721.596.120
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên	96.728.456.859	-
Bàn giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	(1.913.708.180.829)
Phân loại lại	1.705.055.583	-
Số dư cuối năm	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

19. Phân phối lợi nhuận

Theo quy định tại điều 29 Nghị định 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoặc nộp Ngân sách Nhà nước. Trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển lợi nhuận còn lại của năm 2014 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo công văn số 4716/EVN-TCKT ngày 10/11/2015 về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2014 với số tiền 2.660 triệu đồng (năm 2014 đã chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam với số tiền 70.452 triệu đồng).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.965.683.038	5.965.683.038
Trong vòng hai đến năm năm	23.862.732.152	23.862.732.152
Sau năm năm	205.405.497.779	211.371.180.817
	235.233.912.969	241.199.596.007

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	38.292,90	859.689.573	37.141,86	793.119.818

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31/12/2015, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ đầu tư 8.186.719 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (tại ngày 1/1/2015 là 18.737.025 triệu VND).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	25.446.319.495.781	23.537.082.155.509
Doanh thu dịch vụ khác	50.547.703.696	32.698.456.957
	<hr/> 25.496.867.199.477	<hr/> 23.569.780.612.466

22. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn tiêu thụ điện	23.223.673.229.859	21.667.286.576.627
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	29.426.350.354	28.855.130.805
	<hr/> 23.253.099.580.213	<hr/> 21.696.141.707.432

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	25.676.317.797	31.743.911.495
Cổ tức, lợi nhuận được chia	205.092.297.000	57.357.162.275
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	3.852.191.628	14.505.348.757
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	744.183.358.615
	<hr/> 234.620.806.425	<hr/> 847.789.781.142

24. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	1.709.696.234.008	1.146.659.420.142
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	72.214.534.826	27.165.910.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	401.565.731.075	1.182.711.511.586
	<hr/> 2.183.476.499.909	<hr/> 2.356.536.841.835

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	97.376.369.064	99.088.266.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.994.335.099	11.907.048.633
Chi phí khác	60.328.454.732	36.886.065.625
	<hr/>	<hr/>
	171.699.158.895	147.881.380.270

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.382.737.850.257	16.477.645.999.494
Chi phí nhân công	308.663.454.666	255.905.612.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.190.834.616.605	3.216.975.948.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.046.604.088	44.799.984.898
Chi phí sửa chữa lớn	967.281.217.289	1.422.200.210.031
Chi phí khác	327.234.996.203	426.495.331.868

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	478.606.367	38.996.679.478

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.767.855.790	230.301.792.215
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	23.048.928.274	50.666.394.287
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.363.077.776	950.899.795
Thu nhập không bị tính thuế	(45.120.305.340)	(12.620.614.604)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	19.260.823.324	-
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	1.926.082.333	-
	478.606.367	38.996.679.478

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2014 và 2015, và sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	728.987.221.090	1.863.594.920.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	230.000.000.000	430.000.000.000
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(ii)	8.266.207.256.371	2.168.255.937.780
		<hr/>	<hr/>
		9.225.194.477.461	4.461.850.858.771

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu của khách hàng và phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Tổng Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được không bao gồm khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
31/12/2015					
Phải trả người bán	5.566.168.847.491	5.566.168.847.491	5.566.168.847.491	-	-
Phải trả người lao động	127.090.735.196	127.090.735.196	127.090.735.196	-	-
Chi phí phải trả	57.893.608.251	57.893.608.251	57.893.608.251	-	-
Phải trả khác	689.251.880.779	689.251.880.779	689.251.880.779	-	-
Vay ngắn hạn	3.291.345.014.166	3.291.345.014.166	3.291.345.014.166	-	-
Vay dài hạn	64.444.304.714.129	64.444.304.714.129	-	20.834.249.518.532	43.610.055.195.597
	74.176.054.800.012	74.176.054.800.012	9.731.750.085.883	20.834.249.518.532	43.610.055.195.597
1/1/2015					
Phải trả người bán	7.678.809.374.117	7.678.809.374.117	7.678.809.374.117	-	-
Phải trả người lao động	143.310.351.598	143.310.351.598	143.310.351.598	-	-
Chi phí phải trả	46.226.524.492	46.226.524.492	46.226.524.492	-	-
Phải trả khác	1.019.998.204.369	1.019.998.204.369	1.019.998.204.369	-	-
Vay ngắn hạn	7.284.253.550.749	7.284.253.550.749	7.284.253.550.749	-	-
Vay dài hạn	54.655.659.322.594	54.655.659.322.594	-	16.564.757.772.684	38.090.901.549.910
	70.828.257.327.919	70.828.257.327.919	16.172.598.005.325	16.564.757.772.684	38.090.901.549.910

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán Tổng Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”), Yên Nhật (“JPY”), Nhân dân tệ (“CNY”), Won (“KRW”), Đồng Euro (“EUR”) và Franc Thụy Sĩ (“CHF”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2015				
	USD	JPY	CNY	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.293	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(218.242.187)	(309.558.247)	(5.722.766)	(455.727)	(372.510)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.105.722.210)	(29.095.495.677)	(599.934.811)	-	-
	(2.323.926.104)	(29.405.053.924)	(605.657.577)	(455.727)	(372.510)
	1/1/2015				
	USD	JPY	CNY	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.142	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(240.100.451)	(197.937.987)	(5.722.766)	-	(20.782)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.014.507.513)	(31.429.458.880)	(599.934.811)	-	-
	(2.254.570.822)	(31.627.396.867)	(605.657.577)	-	(20.782)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
1 USD	22.540,00	21.380,00
1 JPY	187,86	175,90
1 CNY	3.377,36	3.410,82
1 EUR	24.730,00	25.542,36
1 CHF	22.880,00	21.499,00

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
31/12/2015	
USD (mạnh thêm 5%)	(2.619.064.890.997)
JPY (mạnh thêm 7%)	(386.682.118.900)
CNY (yếu đi 1%)	20.455.236.096
EUR (yếu đi 3%)	337.549.096
CHF (mạnh thêm 6%)	(510.224.244)
1/1/2015	
USD (mạnh thêm 1%)	(482.053.921.732)
JPY (mạnh thêm 1%)	(55.632.591.090)
CNY (mạnh thêm 1%)	(20.657.889.792)
CHF (mạnh thêm 1%)	(3.916.748)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	203.000.000.000	6.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	230.000.000.000	430.000.000.000
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(14.531.918.482.382)	(14.972.660.473.727)
	(14.098.918.482.382)	(14.536.660.473.727)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	525.987.221.090	1.857.594.920.991
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(53.203.731.245.913)	(46.967.252.399.616)
	(52.677.744.024.823)	(45.109.657.478.625)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 368.704.413.520 VND lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty (2014: 79.430.859.048 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*) 729.919.588.667	1.864.418.585.340
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(*) 8.266.219.256.371	2.168.267.937.780
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(*) 230.000.000.000	430.000.000.000
	9.226.138.845.038	4.462.686.523.120
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán	(*) (5.566.168.847.491)	(7.678.809.374.117)
▪ Phải trả người lao động	(*) (127.090.735.196)	(143.310.351.598)
▪ Chi phí phải trả	(*) (57.893.608.251)	(46.226.524.492)
▪ Phải trả khác	(*) (689.251.880.779)	(1.019.998.204.369)
▪ Vay ngắn hạn	(*) (3.291.345.014.166)	(7.284.253.550.749)
▪ Vay dài hạn	(*) (64.444.304.714.129)	(54.655.659.322.594)
	(74.176.054.800.012)	(70.828.257.327.919)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	240.902.178.000	126.708.801.946
Vay trong năm	4.388.588.567.669	22.867.232.159.952
Thanh toán vay trong năm	2.434.508.933.429	3.141.205.759.004
Lãi vay	1.433.446.646.315	3.078.850.612.102
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.659.523.292	70.451.992.374
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	25.446.319.495.781	23.537.082.155.509
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	32.353.298.347	100.870.163.910
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	547.735.561	9.794.839.671
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	-	3.491.306.897
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Thu lãi tiền gửi	21.306.722.222	25.338.888.889
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	3.235.090.556	3.701.423.055
Trung tâm Công nghệ thông tin		
Mua dịch vụ	741.144.820	2.030.929.461
Trung tâm Thí nghiệm Điện – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Mua dịch vụ	958.444.796	1.608.067.591
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Mua dịch vụ	121.000.000	267.350.000
Cổ tức được chia	48.123.557.000	38.498.845.600
Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình		
Cổ tức được chia	12.681.792.000	9.159.072.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Cổ tức được chia (*)	63.016.948.000	63.016.948.000
Công ty CP Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	57.150.000.000	35,433,000,000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	12.600.000.000	24,360,000,000
Viên chức quản lý		
Tiền lương và thưởng	5.058.484.000	4.838.081.000

(*) Trong năm 2014, căn cứ theo Công văn số 15716/BTC-TCĐN ngày 29 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn theo dõi, hạch toán số cổ phiếu được chia của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính và giảm khoản đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là 113.110.703.325 VND. Giá trị cổ tức được chia năm 2014 chưa bao gồm điều chỉnh giảm này.

30. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

Tại ngày 1 tháng 5 năm 2015, Tổng Công ty đã chuyển Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý bằng việc làm giảm đi xây dựng cơ bản dở dang và khoản trả trước cho người bán tương ứng giảm vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Tổng Công ty là 6.896.370.403 VND và tăng phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 3.890.576.415.008 VND (thuyết minh 8).

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã tách số liệu tài sản, vốn của Ban Quản lý Thủy điện 5 theo Công văn số 1483B/EVN-TCKT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bằng việc giảm nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định và các khoản phải thu tương ứng giảm nợ phải trả và nguồn vốn.

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã nhận quản lý Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2, theo quyết định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bằng cách tăng khoản đầu tư tài chính dài hạn và tăng nguồn vốn.

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.107.021.688.118 VND (năm 2014: 3.127.206.914.604 VND) là số tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và 24.288.146.499 VND (năm 2014: 385.945.140.244 VND) là chi phí lãi vay đã vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang chưa được thanh toán.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 và Thông tư 202 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

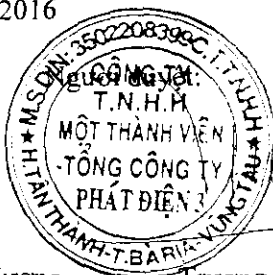
	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	430.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	430.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	101.959.222.024	101.111.625.188
Tài sản ngắn hạn khác	-	847.596.836
Phải thu dài hạn khác	12.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	12.000.000

Ngày 9 tháng 4 năm 2016

Người lập:

Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc